Biểu số 66 CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 5919/QĐ-UBND ngày 30 12 2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	TỔNG SỐ	**5.992.996,000**	**1.243.785,000**	**2.064.671,000**	**6.649,000**	**1.000,000**	**281.956,000**	**2.394.935,000**	**10.595.588,719**	**879.584,121**	**1.912.224,329**	**2.364,170**	**1.000,000**	**25.443,798**	***0,000***	***25.443,798***	**986.687,163**	**2.927.826,833**	**30.781,665**	**3.829.676,639**	**177%**	**71%**	**93%**
	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Trị(1036285)								**17.449,060**		17.449,060			0,000									
	Trung tâm Dịch vụ - Hội nghị tỉnh Quảng Trị(1028840)								**563,000**		563,000			0,000									
	Trung tâm Tin học tỉnh Quảng Trị(1033130)								**2.752,000**		2.752,000			0,000									
	Văn phòng UBND tỉnh QuảngTrị(1046140)								**39.507,888**		39.407,888			100,000		*100,000*							
	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Quảng Trị(1128348)								**5.525,086**		5.430,586			94,500		*94,500*							
	Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Trị(1036820)								**10.842,209**		10.842,209			0,000									
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Quảng Trị(1002282)								**8.299,359**		8.299,359			0,000									
	Trung tâm giống thủy sản Quảng Trị(1016219)								**1.253,252**		1.253,252			0,000									
	Ban quản lý Cảng cá Quảng Trị(1020239)								**1.483,000**		1.483,000			0,000									
	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn(1022348)								**1.961,183**		1.841,183			120,000		*120,000*							
	Văn phòng Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Trị(1022516)								**46.959,702**	41.119,000	5.529,052			311,650		*311,650*							
	BQL rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải(1027926)								**2.901,658**		650,658			2.251,000		*2.251,000*							
	BQL rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn(1027927)								**1.715,715**		1.715,715			0,000									
	BQL rừng phòng hộ Hướng Hoá - ĐaKrông(1028835)								**7.060,014**		4.599,034			2.460,980		*2.460,980*							
	Hạt Kiểm lâm Cam Lộ(1036204)								**1.893,041**		1.893,041			0,000									
	Hạt Kiểm lâm Vĩnh Linh(1036298)								**2.567,892**		2.567,892			0,000									
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Trị(1036302)								**9.366,199**		9.366,199			0,000									
	Chi cục Thuỷ sản QuảngTrị(1036440)								**5.475,499**		5.475,499			0,000									
	Hạt Kiểm lâm Gio Linh(1036516)								**1.810,106**		1.810,106			0,000									
	Hạt kiểm lâm Đakrông(1036677)								**4.011,866**		4.011,866			0,000									
	Hạt Kiểm Lâm Triệu Phong(1036683)								**1.796,981**		1.796,981			0,000									
	Hạt Kiểm lâm Hải Lăng(1036765)								**1.990,550**		1.990,550			0,000									
	Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi Quảng Trị(1041537)								**2.440,700**		2.440,700			0,000									
	Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Trị(1045685)								**4.939,217**	499,901	3.168,905			1.270,410		*1.270,410*							
	Hạt Kiểm lâm Hướng Hoá(1045914)								**4.443,459**		4.443,459			0,000									
	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm QuảngTrị(1045915)								**10.846,901**		10.846,901			0,000									
	BQL khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông(1063463)								**9.294,051**		6.085,241			3.208,810		*3.208,810*							
	Trung tâm khuyến nông(1096645)								**9.720,725**		9.720,725			0,000									
	Chi cục Thuỷ lợi Quảng Trị(1096701)								**10.103,442**		10.103,442			0,000									
	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản(1097329)								**2.858,000**		2.858,000			0,000									
	Ban quản lý Khu bảo tồn biển Đảo Cồn Cỏ(1100958)								**1.672,020**		1.672,020			0,000									
	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng hoá(1105630)								**9.165,964**		5.264,194			3.901,770		*3.901,770*							
	Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị(1110877)								**1.758,008**		676,998			1.081,010		*1.081,010*							
	Hạt kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông(1125321)								**3.183,833**		3.183,833			0,000									
	Ban QLDA "Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)" tỉnh Quảng Trị(1131195)								**526,504**		526,504			0,000									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị(1045628)								**111.296.616**	102.411.786	8.644.830			240.000		*240.000*							
	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị(1035357)								**2.944.851**		2.794.851			150.000		*150.000*							
	Sở Tư Pháp Quảng Trị(1045625)								**13.522.304**		13.092.304			430.000		*430.000*							
	Sở Công Thương Quảng Trị(1023050)								**10.608.897**	2.069.397	7.677.500			862.000		*862.000*							
	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp(1033666)								**4.830.000**		4.830.000			0.000									
	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ(1021051)								**5.996.099**		5.996.099			0.000									
	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị(1045683)								**2.520.125**		2.520.125			0.000									
	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị(1045858)								**26.444.072**	15.141.896	11.302.176			0.000									
	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo Lường Chất lượng(1109890)								**1.448.862**		1.448.862			0.000									
	VP Sở Tài chính Quảng Trị(1045756)								**10.216.212**		10.122.372			93.840		*93.840*							
	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị(1045624)								**6.426.611**		6.396.611			30.000		*30.000*							
	Trung tâm đăng kiểm phương tiện cơ giới thuỷ bộ Quảng Trị(1045090)								**82.435**		82.435			0.000									
	Thanh tra Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị(1045681)								**1.721.310**		1.721.310			0.000									
	Văn phòng Sở Giao thông - Vận tải tỉnh Quảng Trị(1045852)								**119.695.721**	113.440.218	6.255.503			0.000									
	Ban an toàn giao thông tỉnh Quảng Trị(1076061)								**1.290.565**		1.290.565			0.000									
	Ban Quản lý bảo trì giao thông(1119657)								**38.305.596**		38.305.596			0.000									
	Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động tỉnh Quảng Trị(1125360)								**1.615.000**		1.615.000			0.000									
	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 74-02D Công ty cổ phần Trường Danh(1126295)								**31.585**		31.585			0.000									
	Văn Phòng Sở Giáo dục - Đào tạo Quảng trị(1045863)								**87.909.693**	3.000.000	84.909.693			0.000									
	Trường THPT Trần Thị Tâm(1033432)								**6.881.759**		6.881.759			0.000									
	Trường THPT Lê Lợi(1033486)								**12.889.296**		12.889.296			0.000									
	Trường THPT Lê Thế Hiếu(1033493)								**4.690.403**		4.690.403			0.000									
	Trường Trung học Phổ thông Đakrông(1035231)								**14.539.124**		14.539.124			0.000									
	Trường THPT Đông Hà(1036063)								**12.961.786**		12.961.786			0.000									
	Trường Trung Học phổ thông Hướng Hoá(1036346)								**12.087.798**		12.087.798			0.000									
	Trường THPT Triệu Phong(1036536)								**10.827.872**		10.827.872			0.000									
	Trường THPT Cam Lộ(1036586)								**11.028.346**		11.028.346			0.000									
	Trường THPT Nguyễn Huệ(1036587)								**8.593.505**		8.593.505			0.000									
	Trường THPT thị xã Quảng Trị(1036588)								**12.232.968**		12.232.968			0.000									
	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn(1036590)								**21.034.922**		21.034.922			0.000									
	Trường THPT Nguyễn Du - Huyện Gio Linh(1036779)								**8.359.321**		8.359.321			0.000									
	Trường THPT Hải Lăng(1045489)								**12.515.830**		12.515.830			0.000									
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bến Hải(1045495)								**7.830.707**		7.830.707			0.000									
	Trường THPT Cửa Tùng(1045679)								**8.853.286**		8.853.286			0.000									
	Trường THPT Gio Linh(1049857)								**12.077.314**		12.077.314			0.000									
	Trường THPT Chu Văn An(1049858)								**9.757.820**		9.757.820			0.000									
	Trường Trung học phổ thông Bùi Dục Tài(1049863)								**7.311.190**		7.311.190			0.000									
	Trường THPT Lao Bảo(1051853)								**6.874.155**		6.874.155			0.000									
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tân Lâm(1051859)								**4.488.962**		4.488.962			0.000									
	Trường PT dân tộc nội trú tỉnh QuảngTrị(1051860)								**11.694.254**		11.694.254			0.000									
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Cồn Tiên(1051861)								**9.229.170**		9.229.170			0.000									
	Trường Trẻ em khuyết tật tỉnh Quảng Trị(1064139)								**9.059.294**		9.059.294			0.000									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Trường THPT Vĩnh Linh(1064141)								**11.773,536**		11.773,536			0,000									
	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Định(1076065)								**10.341,470**		10.341,470			0,000									
	Trường THPT A Tuc(1084104)								**7.834,198**		7.834,198			0,000									
	Trường THPT Hướng Phùng(1084105)								**9.696,919**		9.696,919			0,000									
	Trường THPT Nguyễn Hữu Thận(1100091)								**4.985,497**		4.985,497			0,000									
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đakrông(1102923)								**17.935,096**		17.935,096			0,000									
	Trường Trung học phổ thông Chế Lan Viên(1105120)								**10.888,897**		10.888,897			0,000									
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bến Quan(1122542)								**6.153,499**		6.153,499			0,000									
	Văn phòng Sở Y tế(1046083)								**42.061,440**	9.152,736	31.903,053			1.005,650		*1.005,650*							
	Phòng quản lý sức khỏe cán bộ tỉnh Quảng Trị(1023774)								**166,880**		166,880			0,000									
	Trung tâm Pháp y Quảng Trị(1028833)								**1.496,848**		1.496,848			0,000									
	Trung tâm Y tế huyện Triệu Phong(1032920)								**29.026,609**		29.026,609			0,000									
	Trung tâm Y tế thành phố Đông Hà(1032924)								**18.739,874**		18.739,874			0,000									
	Trung tâm Y tế huyện Gio Linh(1032925)								**27.679,872**		27.679,872			0,000									
	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Linh(1032926)								**24.021,199**		24.021,199			0,000									
	Trung tâm Y tế huyện Hải Lăng(1032928)								**26.267,231**		26.267,231			0,000									
	Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ(1032930)								**18.037,757**		18.037,757			0,000									
	Trung tâm Y tế huyện Hướng Hoá(1033133)								**37.962,983**		37.962,983			0,000									
	Trung tâm Mắt(1035230)								**955,300**		955,300			0,000									
	Trung tâm y tế TX Quảng Trị(1035970)								**11.451,424**		11.451,424			0,000									
	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm(1036824)								**5.092,306**		5.092,306			0,000									
	Bệnh viện Đa khoa khu vực Triệu Hải(1039423)								**3.120,956**		3.120,956			0,000									
	Trung tâm giám định Y khoa Quảng Trị(1045906)								**1.640,184**		1.640,184			0,000									
	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị(1067505)								**8.073,106**		8.073,106			0,000									
	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị(1078670)								**11.345,527**		11.345,527			0,000									
	VP Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tỉnh Quảng Trị(1081196)								**3.636,909**		3.636,909			0,000									
	Trung tâm Y tế huyện Đakrông(1083960)								**36.155,133**		36.155,133			0,000									
	Chi cục An toàn vệ sinh Thực phẩm(1096703)								**2.312,291**		2.312,291			0,000									
	Ban quản lý Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị(1119796)								**9.100,000**		9.100,000			0,000									
	Bệnh viện Chuyên khoa Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Trị(1120302)								**10.344,817**		10.344,817			0,000									
	Trung tâm Y tế quân - dân y huyện đảo Cồn Cỏ(1123757)								**1.449,271**		1.449,271			0,000									
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị(1127896)								**21.058,026**		21.058,026			0,000									
	Ban quản lý dự án Sáng kiến ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023 tỉnh Quảng Trị(3030805)								**457,101**		457,101			0,000									
	VP Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Trị(1045621)								**13.474,634**	221,325	12.016,949			1.236,360		*1.236,360*							
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hải Lăng(1017542)								**223,500**		223,500			0,000									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Triệu Phong(1021657)								**283,100**		283,100			0,000									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Gio Linh(1023054)								**402,300**		402,300			0,000									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội TP Đông Hà(1023056)								**253.300**		253,300			0,000									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã Quảng Trị(1023060)								**14.900**		14,900			0,000									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Vĩnh Linh(1023502)								**669.500**		669,500			0,000									
	Ban Quản lý Nghĩa trang và Đón tiếp thân nhân liệt sỹ tỉnh Quảng Trị(1036342)								**6.143.436**		6.143,436			0,000									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Đakrông(1036570)								**44.700**		44,700			0,000									
	Trung tâm điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội(1039421)								**4.297.487**		4.297,487			0,000									
	Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Trị(1039502)								**973.000**		973,000			0,000									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hướng Hoá(1081007)								**74.500**		74,500			0,000									
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cam Lộ(1081195)								**193.700**		193,700			0,000									
	Trung tâm Bảo trợ Xã hội tổng hợp I tỉnh Quảng Trị(1125204)								**10.167.035**		10.167,035			0,000									
	VP Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị(1035904)								**13.643.410**	1.065,458	12.111,432			466,520		*466,520*							
	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Quảng Trị(1035901)								**15.563.998**		15.563,998			0,000									
	Đoàn nghệ thuật truyền thống tỉnh Quảng Trị(1036514)								**5.409.035**		5.409,035			0,000									
	Trung tâm Quản lý di tích và Bảo tàng tỉnh Quảng Trị(1036991)								**6.579.928**		6.531,418			48,510		*48,510*							
	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Quảng Trị(1039496)								**6.517.834**		6.286,834			231,000		*231,000*							
	Thư viện tỉnh QuảngTrị(1047115)								**4.156.867**		4.156,867			0,000									
	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị(1036095)								**189.836.754**	179.099,145	10.737,610			0,000									
	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị(1020818)								**612.466**		612,466			0,000									
	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị(1029290)								**32.101.204**		32.101,204			0,000									
	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị(1033631)								**4.146.006**		4.146,006			0,000									
	Chi cục Bảo vệ môi trường Quảng Trị(1108199)								**4.038.000**		3.838,000			200,000		*200,000*							
	Chi cục Biển, Hải đảo và Khí tượng thủy văn(1118975)								**5.216.341**		5.216,341			0,000									
	Ban quản lý Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị(3027207)								**2.557.793**		2.557,793			0,000									
	Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Trị(1031562)								**9.807.192**	2.974,643	6.733,729			98,820		*98,820*							
	Trung tâm CNTT và Truyền thông Quảng Trị(1028536)								**2.867.216**		2.867,216			0,000									
	Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006 - 2010(1116421)								**15.982**		15,982			0,000									
	Sở Nội vụ Quảng Trị(1044899)								**10.192.671**	909,577	9.283,094			0,000									
	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Quảng Trị(1033129)								**4.588.430**		4.588,430			0,000									
	Ban thi đua khen thưởng tỉnh Quảng Trị(1033527)								**13.103.000**		13.103,000			0,000									
	Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Trị(1064368)								**2.228.660**		2.228,660			0,000									
	Thanh tra tỉnh Quảng Trị(1002327)								**7.111.700**		7.111,700			0,000									
	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Quảng Trị(1039498)								**29.325.318**	1.300,706	28.024,612			0,000									
	Liên minh hợp tác xã tỉnh Quảng Trị(1039494)								**2.817.616**		2.343,616			474,000		*474,000*							
	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị(1036682)								**5.081.980**		4.889,000			192,980		*192,980*							
	Tỉnh uỷ Quảng Trị(1092760)								**127.024.105**	6.409,198	120.614,908			0,000									
	UB mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị(1039983)								**11.394.360**	2.268,066	8.631,294			495,000		*495,000*							
	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên Quảng Trị(1031557)								**1.558.000**		1.558,000			0,000									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Tỉnh Đoàn Thanh niên Quảng Trị(1035356)								**6.049.695**		5.749.695			300.000		*300.000*							
	Đoàn Khối các cơ quan tỉnh Quảng Trị(1036348)								**965.000**		965.000			0.000									
	Nhà thiếu nhi Quảng Trị(1036829)								**1.921.957**		1.921.957			0.000									
	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng trị(1039500)								**5.527.963**		4.448.053			1.079.910		*1.079.910*							
	Trung tâm hỗ trợ Nông dân tỉnh(1028832)								**313.532**		313.532			0.000									
	Hội nông dân tỉnh Quảng Trị(1047159)								**4.291.113**		3.872.513			418.600		*418.600*							
	Hội Cựu Chiến binh tỉnh Quảng Trị(1036101)								**4.085.929**		4.005.929			80.000		*80.000*							
	Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị(1021049)								**1.544.000**		1.544.000			0.000									
	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Quảng trị(1025389)								**1.420.325**		1.420.325			0.000									
	Hội Nhà báo Quảng Trị(1045909)								**1.823.816**		1.823.816			0.000									
	Hội Luật gia tỉnh Quảng Trị(3001065)								**256.970**		256.970			0.000									
	Hội Chữ Thập đỏ tỉnh Quảng Trị(1035908)								**2.714.278**		2.714.278			0.000									
	Hội người cao tuổi tỉnh Quảng Trị(1123597)								**414.480**		414.480			0.000									
	Hội người mù tỉnh Quảng Trị(1039503)								**630.000**		630.000			0.000									
	Hội Đông y tỉnh Quảng Trị(1045907)								**281.377**		281.377			0.000									
	Hội cựu thanh niên xung phong tỉnh Quảng Trị(1121457)								**370.590**		370.590			0.000									
	Hội khuyến học Tỉnh Quảng Trị(1121686)								**981.624**		981.624			0.000									
	Tỉnh chi BSNS Công ty TNHH một thành viên quản lý khai thác công trình thuỷ lợi Quảng Trị(1079536)								**41.641.491**		41.641.491			0.000									
	Văn phòng Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Trị(1003069)								**587.300**		587.300			0.000									
	Kinh phí thực hiện chính sách (1008525)								**66.428.713**		66.428.713			0.000									
	Tạp chí Cửa Việt(1035902)								**2.408.505**		2.408.505			0.000									
	Trường Chính trị Lê Duẩn(1036761)								**13.341.781**		13.341.781			0.000									
	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị(1036993)								**6.465.030**		5.476.760			988.270		*988.270*							
	Hội văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Trị(1036995)								**2.163.795**		2.163.795			0.000									
	Công an Tỉnh(1053629)								**14.966.888**		14.566.888			400.000		*400.000*							
	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (1053630)								**55.206.664**		55.206.664			0.000									
	Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh (1053630)								**0.000**		0.000			0.000									
	Văn phòng Cục Thi hành án dân sự Tỉnh Quảng Trị(1054172)								**1.021.181**		1.021.181			0.000									
	Văn phòng Cục thuế tỉnh Quảng Trị - Cục thuế Tỉnh Quảng Trị(1056278)								**998.962**		998.962			0.000									
	Kho bạc Nhà nước Quảng Trị(1056448)								**150.000**		150.000			0.000									
	Bảo hiểm Xã hội Tỉnh Quảng Trị(1056972)								**198.388.324**		198.388.324			0.000									
	Văn phòng Cục Thống kê Tỉnh Quảng Trị(1059254)								**445.000**		300.000			145.000		*145.000*							
	Công ty Cổ phần Môi trường và công trình đô thị Đông Hà(1064127)								**32.998**		32.998			0.000									
	Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị(1064282)								**16.344.319**		16.344.319			0.000									
	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị(1105032)								**7.398.745**		7.398.745			0.000									
	Trung tâm Văn hóa thông tin -Thể dục thể thao thành phố Đông Hà(1115089)								**13.300**		13.300			0.000									
	Hội Người khuyết tật, nạn nhân da cam, bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Quảng Trị(1121569)								**478.000**		478.000			0.000									
	Trung tâm Quản lý và Khai thác cơ sở hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp Quảng Trị(1124015)								**4.916.150**		4.916.150			0.000									

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Trị(1125345)								**493,200**		493,200			0,000									
	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị(1125540)								**5.331,521**		5.331,521			0,000									
	Hội Y - Dược và Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Quảng Trị(1126762)								**153,000**		153,000			0,000									
	Trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị(1130643)								**24.438,550**		23.461,360			977,190		*977,190*							
	Trường Phổ thông liên cấp Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị(1131507)								**4.180,555**		4.180,555			0,000									
	Hội từ thiện Quảng Trị(3004277)								**153,000**		153,000			0,000									
	Hội tù chính trị yêu nước tỉnh Quảng Trị(3004392)								**347,000**		347,000			0,000									
	Câu lạc bộ Đường 9 tỉnh Quảng Trị(3013827)								**252,708**		252,708			0,000									
	Hội Khoa học kinh tế tỉnh Quảng Trị(3017279)								**18,000**		18,000			0,000									
	Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị(3018970)								**177,000**		177,000			0,000									
	Công ty TNHH MTV Ngọc Tuấn Cửa Tùng								**500,000**	500,000				0,000									
	Bộ Chỉ huy Quân Sự tỉnh(7004686)								**16.176,605**	16.176,605													
	Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị(7173521)								**10.065,726**	10.065,726													
	Xây dựng cơ sở hạ tầng di dân ra khỏi vùng ngập lụt 3 xã Triệu Thượng, Triệu Giang, Triệu Long, huyện Triệu Phong (giai đoạn 1)(7210005)								**180,210**	180,210													
	QH tổng thể KT-XH Vĩnh Linh đến năm 2010(7215851)								**22,200**	22,200													
	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc khu Công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá(7483493)								**3.330,337**	3.330,337													
	Hoàn thiện kết cấu hạ tầng một số tuyến chính tại khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)(7506283)								**4.764,190**	4.764,190													
	Hệ thống xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Quán Ngang (Giai đoạn 1)(7562035)								**2.078,683**	2.078,683													
	Cầu Bến Lội xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong(7568089)								**2.060,836**	2.060,836													
	Nâng cấp hồ chứa nước thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh(7568517)								**2.224,654**	2.224,654													
	Xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà(7589660)								**238,065**	238,065													
	Đường nối khu công nghiệp Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (Đường trung tâm trục dọc Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị)(7622621)								**9.997,826**	9.997,826													
	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố 5, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà(7665519)								**300,000**	300,000													
	Đường nối KCN Đông Nam QTrị đến Cảng Cửa Việt (Đường TT trục dọc KKT Đông Nam tỉnh QTrị) từ nguồn vốn TPCP; HMTC Đường nối KCN Đông Nam QTrị đến c (7688436)								**22,030**	22,030													
	Nhà Văn hóa thôn Gia Độ, xã Triệu Đô(7713300)								**7,215**	7,215													
	Trường mầm non Khe Sanh(7724171)								**2.000,000**	2.000,000													
	Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Quảng Trị. Hạng mục : Kênh tiêu úng Nam Hùng-Nghĩa Hy-Thiết Tràng, thị trấn Cam Lộ và Tân Trúc - Vĩ(7735094)								**1.000,000**	1.000,000													
	Kênh tiêu Như lệ, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị(7748520)								**1.127,520**	1.127,520													
	Trường Trung học phổ thông Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng(7753271)								**6.057,984**	6.057,984													

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở dự án thành phần tại tỉnh Quang Trị(7768216)								**13.853,741**	13.853,741													
	Đường liên xã Cam Hiếu - Thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ(7792298)								**136,350**	136,350													
	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị, hạng mục: Nhà điều trị nội trú Khoa ung bướu(7804811)								**5.112,902**	5.112,902													
	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Đông Hà(7810186)								**553,286**	553,286													
	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Hải Lăng(7832950)								**8.502,444**	8.502,444													
	Nhà Văn hóa huyện Gio Linh(7839360)								**7.720,000**	7.720,000													
	Nhà Văn hóa thôn Quảng Điền, xã Triệu Đại, huyện Triệu Phong(7847235)								**20,505**	20,505													
	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên(7861837)								**406,531**	406,531													
	Đường huyện ĐH 43, huyện Triệu Phong(7863547)								**6.923,701**	6.923,701													
	Trường Tiểu học Hàm Nghi, thành phố Đông Hà, Hạng mục: Nhà hiệu bộ(7873216)								**1.739,922**	1.739,922													
	Trường mầm non Hải Thái, huyện Gio Linh(7873478)								**2.280,000**	2.280,000													
	Trường Tiểu học và THCS xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong(7879594)								**1.263,056**	1.263,056													
	Trường trung học cơ sở Thành Cổ, thị xã Quảng Trị (Giai đoạn 1)(7880147)								**4.200,000**	4.200,000													
	Hệ thống tiêu thoát nước khu phố 3 phường An Đôn(7882227)								**3.000,000**	3.000,000													
	Nhà nội trú Trường THPT Đakrông(7883449)								**2.232,879**	2.232,879													
	Trường tiểu học và THCS Hải Lệ, hạng mục: Nhà bếp, nhà ăn, nhà bán trú cho điểm trường tiểu học thôn Tích Tường(7884377)								**899,138**	899,138													
	Xây dựng mới Trường THCS Nguyễn Trãi (giai đoạn 2)(7888664)								**5.200,000**	5.200,000													
	Trường TH THCS Hải Ba; Hạng mục: Phòng học(7890929)								**1.342,303**	1.342,303													
	Trường TH THCS Thiện - Thành; Hạng mục: Phòng học bộ môn(7891301)								**1.383,066**	1.383,066													
	Hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng Khu di tích Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam(7894369)								**4.050,000**	4.050,000													
	Trường THTHCS Vĩnh Hòa (điểm trường THCS), Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn(7896100)								**2.427,260**	2.427,260													
	Trường Mầm non số 2 Kim Thạch, Hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng(7896163)								**2.421,450**	2.421,450													
	Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà Nội trú(7896166)								**4.300,000**	4.300,000													
	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục, Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm(7897197)								**8.700,360**	8.700,360													
	Đường giao thông và cầu qua sông Nhùng, huyện Hải Lăng(7901850)								**4.424,971**	4.424,971													
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Cồn Tiên, hạng mục: Nhà học thực hành(7903335)								**6.013,299**	6.013,299													
	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bến Quan, hạng mục: Nhà học thực hành(7903336)								**5.819,820**	5.819,820													
	Trường TH THCS Hải Chánh; Hạng mục: Nhà học bộ môn(7903598)								**1.708,753**	1.708,753													

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Kênh tiêu úng Mu cheo, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong thuộc dự án: Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Quảng Trị(7904866)								**147,455**	147,455													
	Sân vận động huyện Đakrông (giai đoạn 1)(7906134)								**3.938,984**	3.938,984													
	Trường THCS thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Nhà hiệu bộ(7907940)								**1.640,760**	1.640,760													
	Trường tiểu học thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Nhà 02 tầng 08 phòng học(7907941)								**1.852,487**	1.852,487													
	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông(7910695)								**1.232,000**	1.232,000													
	Nâng cấp một số tuyến đường nối thị thị trấn Khe sanh, huyện Hướng Hóa(7911837)								**448,323**	448,323													
	Hội trường Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đakrông(7911840)								**4.193,045**	4.193,045													
	Trường Mầm non Bình Minh , xã Cam Chính(7913561)								**2.365,685**	2.365,685													
	Trường Mầm non Tuổi Hoa, xã Thanh An(7913562)								**1.252,325**	1.252,325													
	Dự án mở rộng liên kết chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị(7913674)								**500,000**	500,000													
	Trung tâm chính trị huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Xây mới nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ(7915494)								**2.300,000**	2.300,000													
	Trường mầm non Phong Bình số 1, hạng mục: 6 phòng học(7917267)								**2.791,613**	2.791,613													
	Trường Mầm non A Tức(7919384)								**4.462,849**	4.462,849													
	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng), thành phố Đông Hà(7919386)								**8.200,000**	8.200,000													
	Trường mầm non Triệu Sơn; Hạng mục: Nhà 02 tầng, 06 phòng học(7920757)								**2.085,892**	2.085,892													
	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm; Hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học(7920759)								**1.476,246**	1.476,246													
	Vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đông Hà(7920767)								**7.630,546**	7.630,546													
	Hoàn thiện công trình xây dựng Trung tâm Truyền hình kỹ thuật số Đài phát thanh - Truyền hình Quảng Trị(7920768)								**2.277,028**	2.277,028													
	Trường mầm non Triệu Giang; Hạng mục: Nhà 02 tầng, 06 phòng học(7920769)								**1.656,064**	1.656,064													
	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi; Hạng mục: Xây mới Khoa điều trị dịch bệnh nguy hiểm, Nhà cầu nối và cải tạo, sửa chữa một s(7921069)								**10.190,589**	10.190,589													
	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị(7928946)								**2.100,000**	2.100,000													
	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện(7929254)								**1.138,571**	1.138,571													
	Trụ sở UBND xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông(7929844)								**2.940,000**	2.940,000													
	Nhà đặt máy phát thanh, truyền hình tại Trung tâm truyền hình kỹ thuật số(7930977)								**3.450,935**	3.450,935													
	Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị(7930978)								**1.380,976**	1.380,976													
	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hạng mục: Xây mới Giảng đường đa năng, Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo khối phòng học(7933148)								**843,343**	843,343													

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	Thành phần 2: Nâng cấp CSVC các ĐV trực thuộc sở GD và ĐT trên địa bàn huyện Đakrông, huyện Hướng Hóa thuộc dự án: Đầu tư NCCSVC các đơn vị trực thuộc (7933652)								**657,720**	657,720													
	Thành phần 3: Nâng cấp CSVC các ĐV trực thuộc sở GD và ĐT trên địa bàn huyện TP, huyện HL, TX Quảng Trị thuộc dự án: Đầu tư NCCSVC các đơn vị trực thuộc (7933653)								**943,025**	943,025													
	Thành phần 1: Nâng cấp CSVC các ĐV trực thuộc sở GD và ĐT trên địa bàn huyện VL, huyện GL, huyện CL và TP Đông Hà thuộc dự án: Đầu tư NCCSVC các đơn vị tr (7934255)								**1.051,686**	1.051,686													
	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh(7934557)								**1.243,757**	1.243,757													
	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông(7934558)								**976,856**	976,856													
	Trường Tiểu học và THCS Hướng Việt. Hạng mục: Phòng học bộ môn(7936193)								**174,014**	174,014													
	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành. Hạng mục: Nhà đa năng(7936196)								**700,000**	700,000													
	Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị(7936221)								**1.301,837**	1.301,837													
	Trường Trung học cơ sở Triệu An, Hạng mục: nhà 02 tầng 06 phòng học(7939180)								**300,000**	300,000													
	Vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân(7939181)								**4.562,877**	4.562,877													
	Hội trường Huyện uỷ Cam Lộ(7940815)								**4.317,063**	4.317,063													
	Trường THPT Triệu Phong. Hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành(7940816)								**2.245,765**	2.245,765													
	Trạm Y tế xã Cam Nghĩa(7940817)								**1.250,000**	1.250,000													
	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Linh(7940839)								**1.000,000**	1.000,000													
	Trường Tiểu học Kim Đồng; Hạng mục: Xây dựng tầng 2, 3 phòng học(7940840)								**1.000,000**	1.000,000													
	Trạm y tế xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh. Hạng mục: Xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ(7940841)								**850,000**	850,000													
	Trường tiểu học Hướng Tân; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, cổng, hàng rào(7944330)								**1.000,000**	1.000,000													
	Trường phổ thông dân tộc nội trú Gio Linh; Hạng mục: Xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên(7945318)								**600,000**	600,000													
	Trường THCS thị trấn Gio Linh; Hạng mục: Nhà học bộ môn(7945319)								**1.998,800**	1.998,800													
	Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Trị(1045685)								**499,901**	499,901													
	Công ty TNHH MTV Ngọc Tuấn Cưa Tùng								**500,000**	500,000													
	Sửa chữa, nâng cấp công viên Lê Duẩn(7949785)								**1.939,503**	1.939,503													
	Trường Trung học Phổ thông Cam Lộ; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và Nhà đa chức năng(7949790)								**955,372**	955,372													
	Nhà máy sấy lúa Hải Lăng(7962432)								**2.000,000**	2.000,000													
	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)(7975233)								**980,000**	980,000													
	GPMB khu vực hồ nuôi tôm Lập Thạch, phường 2, thành phố Đông Hà.(7987330)								**7.276,262**	7.276,262													
	Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ xuất khẩu nội, ngoại thất(8001460)								**2.000,000**	2.000,000													

STT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Các khoản chi: Chi dự phòng NS; Chi tạo nguồn điều chỉnh lương;	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các CTMT	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
														Tổng số	*Chi đầu tư phát triển*	*Chi thường xuyên*							
	- Bổ sung nguồn vốn cho Quỹ phát triển đất tỉnh								**82.844,000**	82.844,000													
	- Bổ sung nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân								**1.000,000**	1.000,000													
	- Bổ sung nguồn vốn uỷ thác qua Ngân hàng CSXH tỉnh								**10.000,000**	10.000,000													
	- Bổ sung vốn điều lệ cho công ty NTHH MTV XSKT								**9.624,000**	9.624,000													
	Chi hỗ trợ tỉnh Salavan - Nước CHDCND Lào (đầu tư công trình)								**8.000,000**	8.000,000													
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY**				**6.649,000**				**2.364,170**			**2.364,170**											
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**					**1.000,000**			**1.000,000**				**1.000,000**										
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**						**97.604,000**		**0,000**														
V	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**						**184.352,000**		**0,000**														
VI	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU**							**2.394.935,000**	**0,000**								**986.687,163**						
VII	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**								**2.927.826,833**									**2.927.826,833**					